

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Logic học đại cương

ĐỀ TÀI:

**Phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa
khái niệm thông qua các tình huống thực tế.**

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Tạ Thị Kim Cúc

Lớp : K22LKC

Mã sinh viên : 22A4060233

Hà nội, ngày 09 tháng 07 năm 2020

Mục lục

Mục lục.....	1
Danh mục từ viết tắt	2
Lời mở đầu.....	3
Chương I:Lý luận chung về phép định nghĩa khái niệm	5
I.1: Bản chất của định nghĩa khái niệm	5
I.2: Cấu tạo và chức năng của phép định nghĩa khái niệm.....	5
I.3: Phân loại.....	6
I.4: Các quy tắc định nghĩa khái niệm và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc này.....	7
Chương II: Liên hệ thực tiễn - Lỗi logic khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế và liên hệ bản thân..	8
II.1: Liên hệ thực tiễn - Lỗi logic khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế.....	11
II.2: Hậu quả, nguyên nhân.....	14
II.3: Liên hệ bản thân.....	16
Kết luận.....	18
Tài liệu tham khảo.....	19

Danh mục từ viết tắt

STT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
1	BLDS	Bộ luật Dân sự
2	Dfd	Khái niệm được định nghĩa
3	Dfn	Khái niệm dùng để định nghĩa
4	Ngd Dfd	Ngoại diên của khái niệm được định nghĩa
5	Ngd Dfn	Ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa
6	PR	Public Relations (Quan hệ công chúng)

Lời mở đầu

1. Tính cấp thiết

Định nghĩa khái niệm từ lâu đã trở thành một thao tác tư duy cực kì quan trọng và hữu hiệu của con người. Nó giúp con người nhận biết và phân biệt được các sự vật, hiện tượng cũng như các đặc điểm, tính trạng khác nhau giữa chúng. Không có thể hình dung được một ngành khoa học nào đó có thể tồn tại và phát triển được mà ở đó không có các định nghĩa khái niệm, hoặc có quá nhiều định nghĩa khái niệm không chuẩn xác. Ví dụ như trong Y học ta bắt gặp các định nghĩa khái niệm như: Viêm gan, Viêm phổi,... Luật học với các khái niệm như: Quyền sở hữu, quyền thừa kế,... Tuy nhiên trong cuộc sống, khi áp dụng hay sử dụng các khái niệm ta thường mắc phải những lỗi logic cơ bản, sai mà không biết mình sai. Vậy những lỗi logic đó là gì? Nguyên nhân vì sao mà chúng ta hay mắc phải ? Và giải pháp khắc phục chúng là gì?

Hiểu được tính cấp thiết và tầm quan trọng của định nghĩa khái niệm nên em chọn chủ đề : “ Phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế” để làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Làm rõ một số vấn đề lí luận về phép định nghĩa khái niệm. Chỉ ra các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm trong các tình huống thực tế. Từ đó rút ra các giải pháp để xây dựng và sử dụng tốt khái niệm

Nhiệm vụ nghiên cứu: Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận về phép định nghĩa khái niệm. Đưa ra một số tình huống thực tế để phân tích và chỉ ra các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm. Liên hệ bản thân qua việc nêu vai trò của định nghĩa khái niệm và đưa ra các giải pháp để xây dựng và sử dụng tốt khái niệm trong học tập và cuộc sống.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Phép định nghĩa khái niệm

Phạm vi nghiên cứu: Trên cả nước

4.Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận : Quan điểm của logic học hình thức về hình thức và quy luật của tư duy

Phương pháp nghiên cứu: Phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa.

5.Ý nghĩa lý luận là ý nghĩa thực tiễn

Ý nghĩa lý luận: Qua việc nghiên cứu và phân tích đề tài, giúp ta hiểu và nắm rõ hơn về phép định nghĩa khái niệm

Ý nghĩa thực tiễn: Hiểu rõ về các tình huống trong thực tế khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm cũng như hậu quả và nguyên nhân của nó. Đồng thời đưa ra được các giải pháp để xây dựng và sử dụng tốt khái niệm trong thực tiễn.

Chương I : Lý luận chung về phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm

I.1 Bản chất của định nghĩa khái niệm

Định nghĩa khái niệm là thao tác logic nhằm vạch ra những dấu hiệu cơ bản nhất của nội hàm khái niệm. Ví dụ theo Platon khái niệm con người được định nghĩa như sau: “Con người là động vật đi bằng hai chân và không có lông vũ”. Ở phép định nghĩa khái niệm trên thì nội hàm của khái niệm “con người” gồm những dấu hiệu như: “là động vật đi bằng hai chân” và “không có lông vũ”. Trong số những dấu hiệu đó thì có dấu hiệu không chỉ thuộc về con người là “động vật đi bằng hai chân” mà còn có dấu hiệu chỉ thuộc về con người mà không có ở bất kì động vật nào khác - “ không có lông vũ” . Đây chính là những dấu hiệu cơ bản nhất để phân biệt con người không chỉ với các loài động vật khác, mà trên thực tế còn chỉ rõ phạm vi đối tượng tiếp cận từ đó tách ra đối tượng cần định nghĩa.

Qua đó, chúng ta có thể thấy sự cần thiết của định nghĩa khái niệm không chỉ tổng kết điểm của cả một quá trình nhận thức, làm rõ ý nghĩa của thuật ngữ thể hiện khái niệm mà định nghĩa cũng cần khi sử dụng các từ đã biết nhưng lại được dùng ở nghĩa mới.

I.2 Cấu tạo và các chức năng của phép định nghĩa khái niệm

Định nghĩa khái niệm được cấu tạo bởi hai bộ phận là khái niệm được định nghĩa và khái niệm dùng để định nghĩa.

Khái niệm được định nghĩa (Dfd) là khái niệm cần phải xác định dấu hiệu trong nội hàm của nó. Ví dụ trong định nghĩa: “Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định” (Điều 649 Bộ luật Dân sự 2015) thì khái niệm “thừa kế theo pháp luật” là khái niệm được định nghĩa.

Khái niệm dùng để định nghĩa (Dfn) là khái niệm có những dấu hiệu chung và cơ bản cấu thành nội hàm của khái niệm được định nghĩa. Ví dụ như trong định nghĩa “thừa kế theo pháp luật” ở trên thì khái niệm “thừa kế theo hàng

thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định” chính là khái niệm dùng để định nghĩa.

Công thức : $Dfd = Dfn$

Về chức năng thì phép định nghĩa khái niệm dùng để vạch rõ nội hàm của khái niệm được định nghĩa và phân biệt đối tượng cần định nghĩa với những đối tượng khác.

I.3 Phân loại

Thứ nhất, căn cứ vào đối tượng được định nghĩa, thì định nghĩa được chia thành định nghĩa thực và định nghĩa duy danh.

Định nghĩa thực là định nghĩa nhằm chỉ ra những dấu hiệu cơ bản nhất trong nội hàm của khái niệm cần được định nghĩa. (Trả lời cho câu hỏi: đối tượng ấy là gì?). Ví dụ: Hình vuông là hình chữ nhật có các cạnh bằng nhau.

Định nghĩa duy danh là định nghĩa vạch ra nghĩa của từ biểu thị đối tượng bằng những từ đồng nghĩa tương đương. (Trả lời cho câu hỏi: thuật ngữ có nghĩa là gì?). Ví dụ: “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội” (Điều 1 Luật Tổ chức Chính phủ 2015).

Thứ hai, căn cứ vào tính chất của khái niệm dùng để định nghĩa thì định nghĩa gồm định nghĩa qua loại gần nhất và khác biệt chủng, định nghĩa theo quan hệ và định nghĩa theo nguồn gốc.

Định nghĩa qua loại gần nhất và khác biệt chủng là kiểu định nghĩa trong đó phải chỉ ra khái niệm loại gần nhất chứa khái niệm cần định nghĩa, rồi sau đó vạch ra những dấu hiệu khác biệt của khái niệm cần định nghĩa so với khái niệm đó. Công thức : $a = A(b)$: trong đó a là khái niệm cần định nghĩa, A là khái niệm loại gần nhất và b là dấu hiệu khác biệt của a . Ví dụ : “Phòng vệ chính đáng (a) là hành vi của cá nhân (A) vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm quyền, lợi ích nói trên(b)” (Khoản 12 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012).

Định nghĩa theo quan hệ là kiểu định nghĩa trong đó người ta chỉ ra một khái niệm đối lập (cũng có thể là quan hệ tương tự, tương đồng hay gần gũi) với khái niệm cần định nghĩa và nêu rõ mối quan hệ giữa các đối tượng mà hai khái niệm đó phản ánh. Kiểu định nghĩa này thường được dùng khi cần định nghĩa những khái niệm có ngoại diên rộng nhất - nhất là các phạm trù. Ví dụ : Vợ là một người đàn bà có quan hệ hôn nhân với một người đàn ông

Định nghĩa theo nguồn gốc là kiểu định nghĩa mà trong đó người ta vạch ra nguồn gốc hoặc phương thức tạo ra đối tượng mà khái niệm cần định nghĩa phản ánh. Ví dụ: Đường tròn là đường cong khép kín được vạch ra bởi một điểm chuyển động trong một mặt phẳng luôn cách đều một điểm cố định. Kiểu định nghĩa này thường được sử dụng trong vật lí, hình học, hóa học,... (khoa học tự nhiên) ít sử dụng trong khoa học xã hội.

Ngoài các kiểu định nghĩa cơ bản trên thì còn có những kiểu định nghĩa khác là định nghĩa mô tả và định nghĩa so sánh:

Định nghĩa mô tả là kiểu định nghĩa bằng cách liệt kê các dấu hiệu khác biệt bên ngoài của đối tượng nhằm phân biệt nó với các đối tượng khác. Ví dụ : Gà tây là loại gà thân cao và to, lông thường đen, con trống có búi da ở cổ, lông đuôi có thể xòe rộng.

Còn định nghĩa so sánh là kiểu định nghĩa trong đó dấu hiệu của khái niệm được nêu ra bằng cách so sánh nó với các dấu hiệu tương tự ở khái niệm khác đã biết. Ví dụ: Màu xanh là màu như màu của lá cây, của nước biển.

I.4 Các quy tắc định nghĩa khái niệm và các lỗi logic khi vi phạm những quy tắc này.

Khi sử dụng định nghĩa khái niệm ta cần phải tuân thủ theo những quy tắc sau đây:

Quy tắc 1: Định nghĩa phải cân đối: Tức là khái niệm được định nghĩa và phần dùng để định nghĩa phải có ngoại diên bằng nhau($D_{fd}=D_{fn}$). Hay nói cách khác định nghĩa cân đối thể hiện mối quan hệ đồng nhất giữa khái niệm

được định nghĩa với khái niệm dùng để định nghĩa . Ví dụ: Ngô Tất Tố là tác giả của tác phẩm “Tắt đèn”.

Khi vi phạm quy tắc này sẽ dẫn đến các lỗi sau :

Thứ nhất là định nghĩa quá rộng: nghĩa là ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa lớn hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa ($Ngd\ Dfd < Ngd\ Dfn$). Ví dụ như : “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội” là định nghĩa quá rộng vì có nhiều hành vi khác cũng nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải là tội phạm, ví dụ như là hành vi tự vệ chính đáng.

Để sửa lỗi logic này, ta cần thu hẹp khái niệm dùng để định nghĩa. Cụ thể ở trong ví dụ trên nếu đưa thêm dấu hiệu “có lỗi và được quy định trong Bộ luật Hình sự ” thì định nghĩa trở thành thoả mãn quy tắc này.

Thứ hai là định nghĩa quá hẹp : tức là ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa nhỏ hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa ($Ngd\ Dfd > Ngd\ Dfn$). Ví dụ: Máy móc là máy cày. Định nghĩa này mắc lỗi logic định nghĩa quá hẹp vì khái niệm dùng để định nghĩa “máy cày” bị bao hàm bởi khái niệm cần định nghĩa “máy móc”. Cụ thể: Máy móc không chỉ bao gồm mỗi máy cày mà còn bao gồm cả máy xúc, máy gặt,

Để sửa lỗi này, ta cần mở rộng khái niệm cần định nghĩa. Cụ thể ở ví dụ trên ta thêm nội hàm “ Máy móc dùng để bới đất thay thế sức lao động của con người và động vật như trâu bò trong nông nghiệp” thì định nghĩa này trở lên đúng hơn và thoả mãn điều kiện của quy tắc này.

Thứ ba là định nghĩa vừa quá rộng vừa quá hẹp: nghĩa là khái niệm vừa không bao quát hết được các đối tượng phản ánh trong nội hàm vừa bao gồm cả những đối tượng không thoả mãn nội hàm đó. Ví dụ: Sinh viên là những người đang đi làm thêm ở cửa hàng tạp hóa . Ví dụ này vi phạm lỗi logic trên vì không phải sinh viên nào cũng đi làm thêm ở cửa hàng tạp hóa, và cũng không phải là cửa hàng tạp hóa nào cũng có sinh viên đi làm thêm.

Để sửa lỗi này ta cần đồng thời mở rộng và thu hẹp cả hai khái niệm cần định nghĩa và dùng để định nghĩa. Cụ thể ở ví dụ trên ta mở rộng thêm khái niệm “ sinh viên” và thu hẹp khái niệm “ những người đi làm thêm ở cửa

hàng tạp hóa” như sau: “Sinh viên gặp khó khăn trong tài chính đa số là những người đi làm thêm”.

Quy tắc 2: Định nghĩa phải tường minh: tức là định nghĩa rõ ràng, chính xác, ngắn gọn. Quy tắc này yêu cầu những thuật ngữ được sử dụng trong định nghĩa phải ngắn gọn, rõ và đơn nghĩa, tránh dùng những từ ngữ mập mờ, đa nghĩa, hoặc là những từ ví von so sánh để tạo ra hiểu lầm về đối tượng được định nghĩa.

Vì phạm quy tắc này sẽ khiến định nghĩa trở nên không rõ ràng, dài dòng, sai sự thật.... Ví dụ : “Tù trưởng: người đứng đầu trông coi phạm nhân” (theo từ điển Tiếng Việt – Vũ Chất). Định nghĩa này mắc lỗi không chính xác, do người định nghĩa không hiểu rõ về bản chất của đối tượng được định nghĩa.

Quy tắc 3: Định nghĩa không được vòng quanh: đây là kiểu định nghĩa, trong đó khái niệm dùng để định nghĩa lại được xác định nội hàm thông qua khái niệm cần định nghĩa. Hoặc nội hàm của khái niệm cần định nghĩa lại được giải thích thông qua những khái niệm khác mà nội hàm còn chưa rõ ràng.

Ví dụ: “Chúng cứ buộc tội là chúng cứ khẳng định một hành vi là tội”. Định nghĩa này mắc phải lỗi vòng quanh, luẩn quẩn vì dùng chính A để định nghĩa A hay hiểu theo một cách khác tức là trong phần dùng để định nghĩa có chứa ngay khái niệm cần được định nghĩa và nó đều không giúp người ta hiểu gì hơn về khái niệm cần được định nghĩa. Định nghĩa mắc lỗi này thì coi như chưa định nghĩa gì cả.

Quy tắc 4: Tránh dùng mệnh đề phủ định trong định nghĩa

Trong định nghĩa khái niệm, người ta thường mắc phải lỗi dùng mệnh đề phủ định để định nghĩa. Định nghĩa phủ định không chỉ ra được nội hàm của khái niệm được định nghĩa. Nếu định nghĩa bằng cách nêu các dấu hiệu phủ định thì ta khó có thể xác định được đối tượng của khái niệm cần phản ánh.

Ví dụ: Tốt không phải là xấu. Đây không phải là định nghĩa khái niệm đúng vì nó không vạch ra được nội hàm của khái niệm, làm cho chúng ta không phát hiện ra và hiểu được bản chất của đối tượng cần định nghĩa . Cụ thể, “tốt” và “xấu” là hai trạng thái trái ngược nhau, nhưng khi ta dùng phủ định của cái xấu để định nghĩa cho cái tốt thì ta sẽ không hiểu được bản chất

của tốt vì ta vốn dĩ đã không hiểu bản chất của cái” xấu” là gì từ đó ta không thể hiểu được cái tốt ở trong thực tế nghĩa là gì.

Ta chỉ dùng mệnh đề phủ định trong định nghĩa khi đồng thời phải thỏa mãn hai điều kiện sau: Thứ nhất là khái niệm dùng để định nghĩa và khái niệm định nghĩa phải nằm trong quan hệ mâu thuẫn và thứ hai là nội hàm của khái niệm dùng để định nghĩa đã được làm rõ bằng định nghĩa khẳng định.

Ví dụ : Người sống trung thực là người tôn trọng lẽ phải, luôn nói đúng sự thật và dũng cảm nhận lỗi.

Người sống giả dối là người không sống trung thực

Ở ví dụ trên, định nghĩa “người sống trung thực” đã được làm rõ và khái niệm “người sống trung thực” , “người sống giả dối” là hai khái niệm có quan hệ mâu thuẫn nên hiển nhiên khi ta định nghĩa khái niệm người sống giả dối bằng cách sử dụng phủ định của định nghĩa khái niệm người sống trung thực thì người nghe vẫn hiểu được bản chất của từ cần được định nghĩa đó.

Chương II: Liên hệ thực tế - Lỗi logic khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế và liên hệ bản thân

II.1 Liên hệ thực tế - Lỗi logic khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế

Trong cuộc sống thường ngày, việc sử dụng hay áp dụng khái niệm xảy ra rất thường xuyên và cần thiết. Dù là trong bất kì lĩnh vực nào như giáo dục, y tế hay là pháp luật, kinh tế - xã hội,... thì định nghĩa khái niệm đều đóng một vai trò hết sức là quan trọng. Nhưng sử dụng sao cho đúng lại là một vấn đề không phải ai cũng biết và làm được. Đa số hầu hết tất cả mọi người đều mắc phải những lỗi logic cơ bản khi sử dụng khái niệm, sai mà không biết mình sai.

a, Định nghĩa không cân đối.

Khi mắc phải lỗi logic này sẽ khiến định nghĩa khái niệm trở lên quá rộng, quá hẹp hoặc vừa quá rộng vừa quá hẹp. Ví dụ như trong một số tình huống cụ thể sau:

Nghị quyết 06/2019/NĐ-HĐTP tại khoản 1 Điều 3 có quy định: “Giao cấu quy định tại khoản 1 Điều 141, khoản 1 Điều 142, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 144 và khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là hành vi xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ, với bất kỳ mức độ xâm nhập nào”. Vậy trong thực tế hành vi giao cấu chỉ được cấu thành khi có sự xâm nhập từ phía bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ, vậy còn hành vi xâm nhập chủ động từ bộ phận sinh dục nữ vào bộ phận sinh dục nam thì sao? Hành vi đó sẽ không bị kết vào hành vi giao cấu và không bị coi là hành vi phạm tội và phải chịu những mức án được quy định tại Bộ luật Hình sự hay sao?

Trên thực tế, khi nhắc đến hiếp dâm, ấu dâm hay là giao cấu trái ý muốn thì người ta sẽ nghĩ ngay đến là hành vi đồi bại của đàn ông đối với phụ nữ mà không một ai nghĩ đến việc phụ nữ cũng có thể cưỡng hiếp hay làm ra

những hành vi đồi bại trái quy tắc đạo đức với đàn ông. Ví dụ như trong một vụ án sau, khi một chàng trai 25 tuổi người Nam Phi đang đi bộ ở Polokwane, tỉnh Limpopo, thì một chiếc xe hơi đi qua bất ngờ dừng lại. Hai người phụ nữ trung niên trên xe ngỏ ý cho anh đi nhờ. Tuy nhiên, lúc anh chàng vừa bước vào trong, hai phụ nữ trên xe đã chĩa súng uy hiếp bắt anh phải uống một chất lạ rồi cùng cưỡng hiếp, giao cấu trái ý muốn với anh ta. Hành sự xong thì họ vứt anh ta xuống đường rồi phóng đi mất. Rõ ràng, trong tình huống trên, giữa 3 người họ đã xảy ra hành vi giao cấu nhưng là do bên nữ giới chủ động, cưỡng ép thực hiện xâm nhập vào bộ phận sinh dục của nam giới. Vậy tình huống này sẽ phải giải quyết ra sao? Hai người phụ nữ có bị kết án về giao cấu trái phép hay không? Hay là chàng trai 25 tuổi kia dù bị cưỡng hiếp nhưng vẫn phải chịu tội giao cấu? Rõ ràng, định nghĩa khái niệm về giao cấu trong Nghị quyết trên đã mắc phải lỗi logic không chính xác và định nghĩa quá hẹp.

Hay một tình huống khác như sau: theo nhà Triết học Platon, con người được định nghĩa như sau: “Con người là động vật đi bằng hai chân và không có lông vũ”. Nếu chiếu theo định nghĩa này của Platon, khi áp dụng vào thực tiễn, bất cứ loài động vật nào đi bằng hai chân và không có lông vũ đều là con người thì con gà cũng có thể trở thành con người vì nó cũng đi bằng hai chân và chỉ cần ta vặt hết lông của nó đi là được. Hay như con chó tuy nó có bốn chân nhưng nó đi được bằng hai chân và bị ghẻ rụng hết lông thì tất yếu nó cũng trở thành con người? Như vậy, ta có thể thấy, định nghĩa khái niệm về con người của Platon trên lý thuyết nhìn có vẻ không sai nhưng khi áp dụng vào thực tiễn đời sống ta lại thấy nó mắc phải lỗi logic định nghĩa quá rộng.

b, Định nghĩa không tường minh

Đây là lỗi logic khi ta vi phạm quy tắc định nghĩa phải tường minh của phép định nghĩa khái niệm. Mắc phải lỗi logic này sẽ khiến khái niệm được định nghĩa trở lên mơ hồ; không rõ ràng, chính xác Trong cuộc sống, lỗi logic này cũng khá là phổ biến, ví dụ như khi chúng ta áp dụng Luật pháp vào trong thực tiễn. Cụ thể, trong Luật hôn nhân và gia đình ở nước ta có hiệu lực từ 01-01-2001 có quy định về con chung tại Điều 63 như sau : “ Con chung là con được sinh ra trong thời kì hôn nhân hoặc có thai trong thời kì đó”. Chắc

chấn khi giải quyết các vấn đề liên quan đến con chung hay tranh chấp về con thì các nhà áp dụng pháp luật phải dựa vào định nghĩa này.

Giả định trong một tình huống: Anh H kết hôn hợp pháp với chị A . Một tháng sau chị A có thai. Trong thời gian chị A có thai, H tự nhiên đổi tính đổi nết suốt ngày rượu chè, gái gú, cờ bạc,... lại còn thường xuyên đánh đập chị A nên chị A đâm đơn ly hôn ra Tòa và được Tòa án chấp thuận cho họ ly hôn. Một thời gian ngắn sau khi quyết định cho ly hôn giữa A và H của Tòa án có hiệu lực pháp luật, chị A (vẫn đang mang thai) kết hôn với anh K. Một tháng sau khi kết hôn với anh K chị A sinh ra bé D. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp con chung thì Tòa án sẽ phải phán quyết như thế nào cho hợp pháp và hợp lí? D là con chung của A với H hay là con chung của A với K. Nếu Tòa án xử cho D là con chung của A với K thì cũng có lý vì D được sinh ra trong thời kì hôn nhân của họ chứ không được sinh ra trong thời kì hôn nhân của A với H. Nhưng nếu H kháng án thì cũng có lý vì D được hoài thai trong thời kì hôn nhân giữa A với H chứ không phải trong thời kì hôn nhân giữa A với K . Rõ ràng định nghĩa trên khi áp dụng vào trong tình huống thực tế này đã trở nên không ổn và không còn chính xác.

c, Định nghĩa vòng quanh

Mắc phải lỗi logic này là khi ta vi phạm phải quy tắc thứ 3 của định nghĩa khái niệm, nó khiến người nghe trở nên mông lung, mơ hồ, dễ rơi vào vòng luẩn quẩn. Ví dụ trong cuộc sống, trong một buổi họp mặt giữa những bạn thân thiết với nhau, trong nhóm có 3 người thì có 1 người vướng mắc về chuyện tình yêu và vừa mới chia tay bạn trai.

A phàn nàn: Theo chúng mày, tình yêu là gì mà sao lại đau khổ đến thế?

B trả lời: Tình yêu là khi mày yêu một ai đó và cảm nhận được đó chính là tình yêu.

C nói: Yêu là yêu thôi chứ làm gì có định nghĩa yêu trong tình yêu hả mày.

Định nghĩa của B và C về tình yêu đều mắc phải lỗi vòng quanh vì trong khi định nghĩa, trong phần dùng để định nghĩa lại chưa ngay khái niệm cần định nghĩa và nó không giúp A hiểu gì hơn về khái niệm “tình yêu”. Định nghĩa mắc lỗi này thì coi như chưa định nghĩa gì cả.

d, Định nghĩa dùng mệnh đề phủ định.

Trong Bộ luật Dân sự 2015, Điều 107 có quy định như sau :

“1. Bất động sản bao gồm:

a, Đất đai

b, Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai

c, Tài sản khác gắn liền với đất đai, nhà, công trình xây dựng;

d, Tài sản khác theo quy định của pháp luật

2. Động sản là những tài sản không phải là bất động sản.”

Đây là một định nghĩa khái niệm đúng, nhưng trong thực tế, chúng ta lại hay vô hình chung lược bớt đi định nghĩa khái niệm đúng và biến nó thành sai.

Ví dụ như một bạn học sinh khi được cô giáo hỏi: “Theo em, động sản là gì”. Thì em học sinh đó ngay lập tức trả lời: “Thưa cô, theo Bộ luật dân sự 2015 quy định thì động sản là những tài sản không phải là bất động sản ạ” . Câu trả lời này không hề sai vì đúng là trong BLDS nó quy định như vậy nhưng lại thiếu và mắc lỗi logic. Người nghe là người am hiểu pháp luật và đã từng nghe qua khái niệm về bất động sản thì câu trả lời của bạn học sinh đó không có gì là khó hiểu nhưng với những người không hiểu nhiều về luật và chưa từng nghe qua về khái niệm bất động sản thì sao? Không một ai biết bất động sản là gì thì cũng sẽ không một ai hiểu được khái niệm về động sản đó là như thế nào. Từ một khái niệm đúng được quy định trong luật, qua trung gian là bạn học sinh đó thì lại trở thành sai, khiến cho khái niệm trở lên mơ hồ, khó hình dung đối với người nghe.

II.2 Hậu quả, nguyên nhân

II.2.1 Hậu quả

Việc mắc phải lỗi logic trong định nghĩa khái niệm sẽ dẫn đến những hậu quả hết sức là nghiêm trọng

Thứ nhất, nó sẽ gây khó hiểu, khó hình dung về khái niệm cho người nghe, khiến họ bị đưa vào sự mộng lung mơ hồ. Nhiều khi khái niệm được đưa ra không chính xác sẽ gây hiểu lầm, nhầm lẫn nghiêm trọng. Ví dụ như trên

mạng xã hội Facebook hiện nay đang nổi lên với một hot trend mới như sau: “Yêu là yêu, không yêu là yêu”. Vậy rốt cuộc yêu là gì? Yêu là yêu tức là sao? Không yêu cũng là yêu nghĩa là cái gì? Cái khái niệm mà các bạn trẻ mạng xã hội đưa ra trên đây khiến người nghe càng trở lên mờ mịt hơn với định nghĩa “yêu”.

Thứ hai, mắc phải lỗi logic này sẽ khiến lí thuyết xa vời với thực tại. Lí thuyết một đằng nhưng thực tế lại một nẻo. Nhiều khi khái niệm đó trên mặt lí thuyết là không sai, hoặc có sai cũng không ai nghĩ đến việc nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng gì. Đến khi áp dụng vào 1,2 tình huống hy hữu trong thực tế mới thấy được hậu quả và bất cập mà định nghĩa đó mang lại. Ví dụ như trong tình huống tranh chấp về con chung, hành vi giao cấu trái ý muốn mà em đã đề cập ở phía trên đây.

Thứ 3, trong luật pháp mắc phải những lỗi logic trên rất dễ khiến cho người luật sư rơi vào lỗi nguy hiểm, vô căn cứ, lập luận không chặt chẽ, sắc bén, dễ tạo ra lỗ hổng trong lập luận khiến đối thủ lấy đó làm căn cứ phản biện. Ví dụ như trong một phiên tòa xét xử một vụ án mua dâm, bên nguyên đơn đưa ra lập luận nhằm kết tội cho bị cáo dựa trên một điều luật như sau: “Mua dâm là hành vi giao cấu có trả tiền” (Dự thảo Pháp lệnh Phòng chống mại dâm). Ngay lập tức bên luật sư của bị đơn có thể phản biện lại ngay: Nhưng thân chủ của tôi không trả bằng tiền mà trả bằng vật khác, vậy nên thân chủ của tôi không có tội.

Thứ 4, trong các lĩnh vực khác như báo chí, truyền thông..., khi mắc phải lỗi logic về định nghĩa khái niệm cũng gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng với mục đích cố ý như một tòa soạn nhằm mục đích lôi kéo người đọc sẽ đưa ra những tiêu đề giật gân sai sự thật, hay truyền thông nhằm pi-a cho một sự kiện nào đó sẽ đưa ra những chiêu trò PR trá hình....

Thứ 5, trong lĩnh vực giáo dục thì việc đưa ra một định nghĩa khái niệm sai sẽ dẫn đến một hệ lụy là cả một thế hệ học sinh, sinh viên hiểu sai về khái niệm đó dẫn đến nhận thức và áp dụng sai vào cuộc sống. Ví dụ như trong từ điển Tiếng Việt - Vũ Chat có định nghĩa về bồ bịch như sau: “Bồ bịch: bạn bè thân thiết”. Nếu áp dụng khái niệm này vào trong chương trình giảng dạy thì

nhận thức của cả một thế hệ sẽ bị lệch lạc, một câu hỏi đặt ra là: chồng đi bò bịch, cặp kè với người khác thì cũng được gọi là bạn bè thân thiết?

II.2.2 Nguyên nhân

Nguyên nhân chung dẫn đến việc mắc phải những lỗi logic này là do sự thiếu hiểu biết, không nắm chắc kiến thức, hiểu một cách mơ hồ mông lung về định nghĩa khái niệm. Ngoài ra, còn do vốn từ vựng ít ỏi, sự lầm tưởng trong suy nghĩ của hầu hết mọi người là dùng phủ định của cái trái ngược sẽ là cái cần được định nghĩa; là do sự ba hoa, muốn thể hiện tầm hiểu biết của bản thân, cứ nghĩ dùng từ càng hoa mỹ, văn vẻ, ví von thì càng thể hiện tầm vĩ mô của bản thân nhưng lại không hề biết mình đã mắc lỗi logic căn bản. Nhưng cũng có những người là do cố ý nhằm đạt được những mục đích cá nhân riêng. Ví dụ như trong trường hợp kiểm tra, học sinh A không nhớ khái niệm này là gì quay sang hỏi học sinh B, B biết nhưng vì muốn trả thù A do A cướp bạn gái của B nên B nói thiếu hoặc sai hoàn toàn về định nghĩa khái niệm đấy khiến A không những bị mất điểm ở ý đấy mà kéo theo các ý còn lại cũng sai nốt.

II.2.3 Liên hệ bản thân

a, Vai trò của định nghĩa khái niệm

Định nghĩa khái niệm đóng một vai trò hết sức là quan trọng, cần thiết không chỉ trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế xã hội nói chung mà cả trong lĩnh vực học tập, cuộc sống nói riêng. Nó giúp con người nhận biết, phân biệt các sự vật, hiện tượng, tính trạng,... là hình thức phản ánh hiện thực khách quan, do đó, một mặt nó là sản phẩm của hoạt động nhận thức, mặt khác, đến lượt mình, nó trở thành công cụ của nhận thức. Có định nghĩa, định nghĩa đúng, nhất quán sẽ giúp con người hiểu thấu đáo, rõ ràng, chính xác và thống nhất các đối tượng, tránh được nguy cơ cùng một đối tượng mà ai muốn hiểu thế nào cũng được.

b, Giải pháp để xây dựng, sử dụng tốt các khái niệm trong học tập, cuộc sống

Để xây dựng và sử dụng tốt các định nghĩa khái niệm điều cần thiết và quan trọng nhất là ta cần phải nắm rõ được bốn quy tắc khái niệm này để tránh gây nhầm lẫn, mắc phải. Không ngừng học hỏi, trau dồi tri thức, vốn từ

vượng. Đồng thời cũng phải tìm hiểu kỹ về những tri thức mà ta muốn định nghĩa, không biết thì không nên nói bừa, nói sai sự thật; chọn lọc những thông tin đúng để áp dụng vào thực tiễn, cuộc sống.

Đối với từng ngành, lĩnh vực riêng thì cần sàng lọc ra những định nghĩa khái niệm chưa đúng, chưa chính xác hay không còn phù hợp với thực tiễn nữa để thay đổi, bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp có nhiều định nghĩa, nhiều cách hiểu về cùng một sự vật, hiện tượng trong cùng một lĩnh vực thì các dấu hiệu bản chất được đưa vào các định nghĩa ấy phải không được mâu thuẫn, không được bài xích lẫn nhau. Nhưng điều đó cũng không có nghĩa là nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau lại chỉ sử dụng chung một định nghĩa giống nhau. Trong các lĩnh vực khác nhau có thể có và cần phải có các cách hiểu khác nhau thì với từng lĩnh vực ấy cần đưa ra các định nghĩa tương ứng nhằm làm cho nhận thức của mọi người về chúng đạt được sự tách bạch, chính xác, thống nhất.

Đặc biệt là trong học tập, mỗi học sinh, sinh viên cần ý thức được trách nhiệm của bản thân. Được đi học và đến trường là điều mà không phải ai cũng có được nên mỗi chúng ta cần nắm rõ tri thức về định nghĩa khái niệm để tránh mắc phải. Đồng thời phải có ý thức xây dựng và phát triển, thấy sai là phải sửa ngay và không được lạm dụng, cố ý mắc lỗi logic về định nghĩa khái niệm vào những mục đích không chính đáng, tư lợi.

Nhất là với những sinh viên khoa Luật kinh tế, đặc điểm của sinh viên luật là hay nói lí, nói dài dòng, dàn trải. Nhiều khi đứng trước một vấn đề, một khái niệm đơn giản chúng ta cũng có thể đưa nó lên một tầm cao mới, so sánh ví von các kiểu, khiến người nghe từ hiểu trở thành không hiểu, từ hiểu mơ hồ chuyển hẳn sang mông lung, mờ mịt. Đúng như Einstein từng nói: “ Logic đưa anh từ điểm A đến điểm B. Trí tưởng tượng đưa anh đến khắp mọi nơi”

Vậy nên mỗi sinh viên chúng ta cần phải sửa ngay lối nói dàn trải, nói bừa, không biết nhưng vẫn cố nói để chứng tỏ là mình biết hoặc là dù biết mình sai nhưng vẫn cố tiếp tục mà thay vào đó là tự tạo lập cho mình một lối tư duy logic, ngắn gọn, súc tích.

Kết luận

Qua việc nghiên cứu và tìm hiểu về đề tài : Phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế, dựa trên những hiểu biết và kiến thức mà mình đã được học , em đã đưa ra được lí luận chung về phép định nghĩa khái niệm, cũng như những hiểu biết của bản thân về những tình huống trong thực tế về vi phạm lỗi logic định nghĩa khái niệm từ đó đưa ra được một số hậu quả, nguyên nhân và giải pháp khắc phục. Theo ý kiến riêng của bản thân thì em thấy đây đều là những lỗi mà mọi người ai cũng mắc phải ít nhất một lần khi sử dụng định nghĩa khái niệm trong thực tiễn nên mỗi người trong chúng ta cần phải ý thức được thực trạng cũng như hậu quả mà nó mang lại để sửa đổi. Mỗi người cần trau dồi cho mình kiến thức cơ bản về phép định nghĩa khái niệm để tránh nhầm lẫn và mắc phải. Việc làm đó không chỉ giúp cải thiện vốn hiểu biết của bản thân mà còn làm tăng khả năng giao tiếp, thuyết phục....

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thúy Ngân - Nguyễn Anh Tuấn, Logic học đại cương, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
2. Bộ luật dân sự(2015), Nxb Lao động.
3. https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/02/28/134/?fbclid=IwARlowPD_7uZaYrcNReY39vg0ftdhQrbtsWH9rNWVLuzHEenU5iggFw1Hsfw